

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TỈNH GIA  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 08/10/2019  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH GIA, TỈNH THANH HÓA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Bắc

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Quang Học

2. Bà Khương Thị Thanh

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Cao Cường - Thư ký Tòa án nhân dân, huyện TỈNH GIA, tỉnh THANH HÓA

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TỈNH GIA, tỉnh THANH HÓA:***  
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TỈNH GIA, tỉnh THANH HÓA xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Đỗ Thị B - Sinh năm: 1958

Nơi ĐKKHKT: Xã X, huyện T, tỉnh THANH HÓA

Nơi ở hiện nay: Phường P, quận T, thành phố Hà Nội (có mặt)

***- Bị đơn:*** Ông Lê Đình L - Sinh năm: 1956

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh THANH HÓA (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 6 năm 2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Đỗ Thị B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Đình L tự nguyện tìm hiểu, chung sống và cùng nhau xây dựng gia đình từ tháng 10 năm 1980 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Bà và ông L chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng (bố mẹ đẻ của ông L) tại thôn H, xã H, huyện T, tỉnh THANH HÓA và đã có 01 con chung tên là Lê Thị L (sinh năm 1982). Bà và ông L chung sống với

nhau đến năm 1983 thì ông L bị ốm nặng, hơn nữa do điều kiện kinh tế quá khó khăn nên bố mẹ ông L đã cho phép bà mang con về nhà cha mẹ đẻ của bà ở xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa để sinh sống và nuôi con. Trong suốt một thời gian dài, bà và ông L không liên lạc gì với nhau nữa. Đến năm 2014, bà về để làm thủ tục xin ly hôn ông L thì những người thân thích trong gia đình ông L cho biết ông L đã bỏ nhà đi biệt tích từ ngày 10/4/2014 cho đến nay, không liên lạc gì với gia đình. Bà và gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng vẫn không có tin tức xác thực về việc ông L hiện ở đâu, làm gì, còn sống hay đã chết. Vì vậy, ngày 25/12/2018, bà đã làm đơn yêu cầu tuyên bố ông L mất tích. Hiện ông Lê Đình L đã bị Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2019/QĐST-DS ngày 16/5/2019, Quyết định này đã có hiệu lực pháp luật. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, ông L đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê Đình L.

Về con chung: Bà và ông L có một con chung là Lê Thị L - Sinh ngày: 23/5/1982. Hiện cháu L đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn là ông Lê Đình L đã bị Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2019/QĐST-DS ngày 16/5/2019.*

Sau khi thụ lý vụ án ly hôn, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng cho đến nay, Tòa án vẫn không nhận được ý kiến hay phản hồi gì của ông L đối với yêu cầu khởi kiện của bà B. Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn ông L đều vắng mặt, chỉ nguyên đơn bà B có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa ngày 12/9/2019, do bị đơn ông L vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Đỗ Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Đình L. Bị đơn ông Lê Đình L có nơi cư trú cuối cùng tại thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ông Lê Đình L vắng mặt không có lý do chính đáng. Tòa án đã niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định khoản 5 điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó hội đồng xét xử vẫn

tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị B và ông Lê Đình L tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 10 năm 1980. Tuy bà B và ông L không đăng ký kết hôn nhưng quan hệ vợ chồng giữa họ được xác lập trước ngày 03/01/1987. Theo điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông L là hôn nhân thực tế được pháp luật thừa nhận.

Qua lời trình bày của bà B và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở khẳng định ông L đã biệt tích nhiều năm nay và đã bị Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa tuyên bố ông L mất tích. Vì vậy, yêu cầu của bà B xin ly hôn ông L là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà B và ông L có một con chung là Lê Thị L - Sinh ngày: 23/5/1982. Hiện cháu L đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Đỗ Thị B - sinh ngày 15/11/1958, tính đến ngày xét xử bà B đã đủ 60 tuổi, là người cao tuổi. Do đó bà B được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Bà B được trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 004075 ngày 03/6/2019.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội ; khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự; Điều 51 và khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị B, xử cho bà Đỗ Thị B được ly hôn ông Lê Đình L.

- Về án phí: Bà B được trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia, theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0004075 ngày 03/6/2019.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt bà B, vắng mặt ông L. Bà B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Chi cục THADS huyện Tĩnh Gia;
- UBND xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Bắc**